

NGHỊ QUYẾT
Về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số 0247/TTr-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 238/BC-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 010094/UBND-TH ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2026 như sau:

I. MỤC TIÊU

Tập trung thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển các ngành công nghiệp động lực gắn với kinh tế biển, mở rộng và phát triển các ngành công nghiệp hiện có theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch mạnh mẽ từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển du lịch để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Đổi mới, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Nâng

cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế số. Phát triển văn hóa - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới. Nâng cao hiệu quả đối ngoại, hội nhập quốc tế.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2026

1. Các chỉ tiêu kinh tế

(1) Tổng sản phẩm xã hội (GRDP - theo giá so sánh năm 2010) tăng 10% trở lên so với ước thực hiện năm 2025. Trong đó: Nông, lâm, thủy sản tăng 5,86%; Công nghiệp - xây dựng tăng 18,14% (*riêng công nghiệp tăng 15,25%; xây dựng tăng 23,4%*); Dịch vụ tăng 9,6%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,02%.

Cơ cấu GRDP theo giá hiện hành: Nông, lâm, thủy sản chiếm 35,48%; công nghiệp - xây dựng chiếm 20,66%; dịch vụ chiếm 40,24%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 3,61%.

(2) Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt khoảng 92 triệu đồng/người.

(3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 80.390 tỷ đồng, chiếm khoảng 30% trong tổng GRDP (*theo giá hiện hành*).

(4) Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 2.920,8 triệu USD, tăng 4,3% so với năm 2025.

(5) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 204.500 tỷ đồng, tăng 9,7% so với năm 2025.

(6) Ngành du lịch đón khoảng 8 triệu lượt khách; doanh thu du lịch đạt 16.000 tỷ đồng, tăng 17% so với ước thực hiện năm 2025.

(7) Tổng thu ngân sách nhà nước đạt từ 18.100 tỷ đồng trở lên, tăng 10% so với ước thực hiện năm 2025.

(8) Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho 84,1% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới.

(9) Số căn nhà ở xã hội hoàn thành và khởi công xây dựng: 3.900 căn.

(10) Thành lập mới 3.200 doanh nghiệp, tăng 8,5% so với ước thực hiện năm 2025.

(11) Quy mô kinh tế số trong GRDP chiếm 14%.

2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội

(12) Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 2% trở lên; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng

bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% trở lên/năm.

(13) Phân đầu đến cuối năm 2026, lũy kế có 32/88 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

(14) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 63%.

(15) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 27%. Giải quyết việc làm cho 56.000 lao động. Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn 2%.

Số người tham gia bảo hiểm xã hội là 251.931 người, chiếm 18,18% so với lực lượng lao động trong độ tuổi; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 179.040 người, chiếm 12,9% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

(16) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) còn 13,3%. Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 31,5 giường; số bác sỹ trên một vạn dân đạt 9,06 bác sỹ. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,2%.

3. Các chỉ tiêu về môi trường

(17) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,38%. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 93,43%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,6%. Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 26,3%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt 92%.

4. Các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

(18) Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi nhập ngũ; tuyển chọn, gọi nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu cấp trên giao. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh kết hợp diễn tập phòng thủ dân sự, phòng không nhân dân; chỉ đạo diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ đạt 30% số đơn vị.

Nâng cao tỷ lệ xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; giảm 10% số vụ tội phạm xâm phạm về trật tự xã hội; tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm xâm phạm trật tự xã hội năm 2026 đạt trên 75%, trong đó, án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90%, giảm 5% tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí so với cùng kỳ.

5. Các chỉ tiêu về cải cách hành chính

(19) Xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2026 tăng tối thiểu 3 bậc so với năm 2025. Trong đó, Giảm tối thiểu 15% lượng văn bản hành chính so với tổng lượng năm 2025; 10% tổng số lượng hội nghị toàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Tập trung thực hiện các giải pháp, chính sách của Trung ương và địa

phương nhằm khắc phục hậu quả do thiên tai, bão lũ gây ra trong những tháng cuối năm, sớm ổn định đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh khôi phục hoạt động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Kịp thời đề xuất Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là các công trình, hạ tầng thiết yếu như giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, y tế, giáo dục... Huy động mọi nguồn lực, tập trung khắc phục thiệt hại, đưa mọi hoạt động đời sống, sản xuất kinh doanh trở lại bình thường trong thời gian sớm nhất.

2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, của Tỉnh

2.1. Tập trung hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tính đồng bộ giữa các loại quy hoạch; triển khai thực hiện hiệu quả các quy hoạch ngành, lĩnh vực của địa phương làm cơ sở để thu hút đầu tư, triển khai các dự án đầu tư, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh và không gian phát triển mới.

Tiếp tục kế thừa, triển khai hợp lý Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội về cơ chế chính sách đặc thù xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột tại các xã, phường mới được thành lập tương ứng và Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV.

2.2. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 mang tính dài hạn, định hướng phát triển trong thời gian tới, bám sát Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, và các định hướng của Trung ương trên cơ sở đảm bảo cân đối các nguồn lực, yêu cầu phát triển đột phá của tỉnh trong giai đoạn mới.

Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể theo phân công để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình số 02-CTr/TU ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2.3. Tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo sau sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động thông suốt, không gián đoạn, không có khoảng trống pháp lý. Tổ chức sắp xếp trụ sở làm việc, cơ sở nhà đất, tài sản công, dự toán ngân sách, các dự án đầu tư công khi chấm dứt hoạt động cấp huyện, không để gián đoạn, thất thoát.

2.4. Chủ động triển khai thực hiện các chủ trương, các chính sách mới đã có hiệu lực thi hành và tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật không còn phù hợp với các Luật mới, quy định mới ban hành để kịp thời tham mưu điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

2.5. Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp tại các Nghị quyết trụ cột, đột phá của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, về phát triển kinh tế tư nhân, hội nhập quốc tế, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, an ninh năng lượng... và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai thực hiện các Nghị quyết này.

3. Về phát triển kinh tế

3.1. Tập trung cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Làm mới, phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng truyền thống, quyết tâm tháo gỡ các “điểm nghẽn, lực cản” để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là những lĩnh vực còn dư địa tăng trưởng. Khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới (*khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,...*). Tiếp tục phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ theo hướng hiện đại gắn với khoa học công nghệ, chuyển đổi số. Triển khai rộng, hiệu quả Đề án “Mỗi xã, phường một KOL - Đưa sản vật, cảnh sắc Đắc Lắc lên không gian số” và xây dựng các Đề án phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

3.2. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch mạnh mẽ từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành nông nghiệp. Tập trung đẩy mạnh phát triển một số các loại cây trồng chủ lực, hình thành các vùng nguyên liệu làm cơ sở thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, triển khai sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc; tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình OCOP, chương trình xây dựng nông thôn mới. Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng trang trại, hiện đại, bền vững, an toàn dịch bệnh. Thúc đẩy phát triển mô hình nông - lâm kết hợp, chi trả dịch vụ môi trường rừng, thị trường tín chỉ các-bon, góp phần phát triển kinh tế lâm nghiệp. Triển khai các đề án: trồng cây dược liệu trên đất lâm nghiệp, phát triển bền vững cây Mắc Ca, du lịch sinh thái trong rừng, trồng rừng ngập mặn tại đầm Ô Loan.

Phát triển đồng bộ, toàn diện cả khai thác và nuôi trồng thủy sản, đẩy mạnh áp dụng quy trình, kỹ thuật nuôi, khai thác hiện đại gắn với chế biến, bảo quản giảm tổn thất sau thu hoạch, đa dạng hóa sản phẩm chế biến. Đẩy mạnh dịch vụ hậu cần thủy sản, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất nuôi trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ để gia tăng giá trị sản phẩm. Thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung ương và

địa phương về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu.

3.3. Phát triển các ngành công nghiệp động lực gắn với kinh tế biển, mở rộng và phát triển các ngành công nghiệp hiện có theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Tập trung thu hút đầu tư các dự án công nghiệp chế biến sâu sản phẩm nông lâm thủy sản, phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sản xuất năng lượng tái tạo quy mô lớn và một số ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế mới. Tăng cường rà soát, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quản lý, hoạt động của các cụm công nghiệp nhằm thu hút đầu tư của các đơn vị thứ cấp, phấn đấu nâng tỷ lệ lấp đầy tại các cụm công nghiệp khu vực phía Đông Đắc Lắc đạt trên 30%; tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, thành lập các cụm công nghiệp mới. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về “*Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” trên địa bàn tỉnh. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất đối với 08 dự án năng lượng phía Tây¹ và thực hiện công tác chuẩn bị kêu gọi đầu tư 04 dự án năng lượng phía Đông² theo Quy hoạch tỉnh. Xây dựng Nghị quyết hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc; đồng thời nghiên cứu, xây dựng chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

3.4. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá các sản phẩm và tăng cường triển khai công tác kết nối giao thương nhằm mở rộng tiêu thụ nội địa và thị trường xuất khẩu, chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp xuất khẩu, nhất là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới. Huy động nguồn lực hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao khả năng bán hàng hóa trên các kênh thương mại điện tử quốc tế và các nền tảng mạng xã hội để đẩy mạnh việc quảng bá, mua bán sản phẩm, hàng hóa do các doanh nghiệp tỉnh sản xuất. Tiếp tục cải thiện thứ hạng về chỉ số thương mại điện tử. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ; chú trọng phát triển hệ thống ngân hàng đáp ứng nhu cầu vốn và dịch vụ cho nền kinh tế.

3.5. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án về phát triển du lịch giai đoạn 2026 - 2030; xác định rõ sản phẩm đặc trưng, không gian, thị trường và

¹ Gồm: (1) Nhà máy điện gió Easin 1 công suất 100MW; (2) Nhà máy điện gió Krông Búk 3 công suất 100MW; (3) Nhà máy điện gió Thuận Phong Đắc Lắc công suất 100MW; (4) Nhà máy điện gió Tân Lập – Ea Hồ công suất 50MW; (5) Nhà máy điện gió Cư Pong 1,2 công suất 80MW; (6) Nhà máy điện gió Krông Năng 1.1 và 1.2 (mỗi dự án công suất 40MW); (7) Nhà máy điện gió NT 1 (45MW); NT 2 (30MW); (8) Nhà máy điện gió Ea Sin công suất 77MW).

² Gồm: (1) Nhà máy điện gió Xanh Nam Việt, công suất 49MW; (2) Nhà máy điện gió LRSH Sơn Hòa giai đoạn 1, công suất 82MW; (3) Nhà máy điện sinh khối Phú Yên, công suất 30MW; (4) Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và phát điện Trung An, công suất 15MW.

các chỉ tiêu phát triển; Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số du lịch tỉnh Đắk Lắk năm 2026 (Bản đồ số)... Tiếp tục đăng cai tổ chức, đưa các sự kiện, hoạt động văn hóa lớn về địa phương vào các dịp lễ, kỳ nghỉ dài ngày để tăng lượng khách du lịch đến với tỉnh và thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển. Tổ chức khảo sát phát triển sản phẩm du lịch mới (nông nghiệp, nông thôn, cộng đồng, làng nghề, OCOP...); tạo điều kiện phát triển hiệu quả mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và các dự án đầu tư du lịch gắn với quản lý, bảo vệ rừng và biển. Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch tại chỗ chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu Du lịch trong bối cảnh cách mạng Công nghiệp 4.0.

3.6. Tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy nhanh tiến độ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị,... Chỉ đạo quyết liệt công tác thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công (bao gồm các Chương trình mục tiêu quốc gia), kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm, liên vùng. Tích cực phối hợp để sớm hoàn thành thủ tục vận động các dự án ODA, đặc biệt là dự án theo cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Buôn Ma Thuột tại Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội. Thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện giải ngân hết kế hoạch vốn; sớm hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, các thủ tục đấu thầu để khởi công dự án. Đẩy mạnh xây dựng các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng công trình Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh; phối hợp đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột theo lộ trình đề ra.

3.7. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư có nguồn lực tài chính, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại; thu hút đầu tư vào các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng cao, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, lành mạnh; chuẩn bị các quỹ đất để xúc tiến, kêu gọi thu hút các dự án động lực vào các khu vực tiềm năng của tỉnh. Kịp thời nắm bắt thông tin để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như các dự án năng lượng tái tạo, phát triển đô thị, sân golf, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, luyện kim, thép, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, cảng biển³,...; đồng thời, đôn đốc tiến độ thực hiện

³ Như: Khu công nghiệp Phú Xuân, Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Tâm - Giai đoạn 1, Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Công nghệ cao Phú Yên, Đầu tư xây dựng Bến cảng Bãi Gốc, Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Cù Lao Mái Nhà,...

các dự án đang triển khai thi công, sớm hoàn thành đưa vào hoạt động⁴; rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án nông lâm nghiệp, chăn nuôi, các dự án đầu tư chậm triển khai thực hiện để có phương án xử lý để có định hướng phù hợp nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí nguồn lực đất đai.

3.8. Quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách nhà nước. Tăng cường quản lý, chống thất thu, triển khai tốt các nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, nhất là các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; tập trung tháo gỡ khó khăn để tăng thu ngân sách trên địa bàn. Thực hiện chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí, tiêu cực, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Rà soát các dự án tạo nguồn thu sử dụng đất và có giải pháp tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra, tạo nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư công.

3.9. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch triển khai nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, khẳng định vị trí, vai trò kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2026. Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng phát triển các hình thức hợp tác, liên kết với các thành phần kinh tế khác để hình thành các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

3.10. Đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2030 và lập Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2026 - 2030; tiếp tục xác định các khu đất phát triển nhà ở xã hội, kêu gọi đầu tư trong năm 2025 - 2026. Sớm lựa chọn chủ đầu tư đối với các dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội năm 2026 của địa phương theo kế hoạch.

4. Về phát triển văn hóa - xã hội

4.1. Chú trọng thực hiện các chính sách an sinh xã hội; chính sách giảm nghèo, ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững, hạn chế

⁴ Nhà máy cà phê Trung Nguyên Legend lớn nhất Đông Nam Á, Tổ hợp trung tâm thương mại - khách sạn - nhà ở Eco Palace, Khu du lịch sinh thái Bãi Nồm, Tổ hợp Thương mại dịch vụ và du lịch nghỉ dưỡng Xuân Đài Bay, Khu nghỉ dưỡng và du lịch biển Long Thủy Tuy Hòa, Khu du lịch nghỉ dưỡng Condotel Resort ven biển Tuy Hòa,...

tái nghèo, góp phần nâng cao mức sống của người dân. Nâng cao chất lượng các tiêu chí và chất lượng thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4.2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công, gia đình chính sách, các đối tượng xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân trên địa bàn.

4.3. Thực hiện hiệu quả công tác dân tộc trong tình hình mới; chủ động nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống, sản xuất tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Kịp thời giải quyết nhu cầu của các tôn giáo theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4.4. Tập trung phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; chú trọng giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đảm bảo phù hợp nhu cầu thực tế và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn; nâng cao năng lực của hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm, mở rộng thị trường và cơ hội việc làm cho lao động đã qua đào tạo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài.

4.5. Thực hiện tốt chiến lược phát triển văn hóa theo Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, giá trị lịch sử, truyền thống dân tộc, nhất là văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số; xây dựng Đề án bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể đại diện nhân loại và các di sản. Thực hiện tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ... phục vụ nhiệm vụ chính trị và kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn; bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Tiếp tục triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, tập trung chỉ đạo tổ chức Đại hội thể dục thể thao cấp cơ sở và Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Đăk Lăk lần thứ I, cử đoàn vận động viên tỉnh tham gia thi đấu các giải quốc gia và Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ X đạt kết quả theo kế hoạch đề ra. Đăng cai tổ chức các giải quốc gia tại tỉnh; tập trung triển khai chiến lược phát triển hệ thống thông tin cơ sở giai đoạn 2026 - 2030, nhằm phát triển hệ thống thông tin cơ sở hiện đại, thống nhất, đa kênh và tương tác, hoạt động hiệu quả tại cấp xã, phường; đảm bảo người dân được tiếp cận thông tin thiết yếu, tham gia và phản hồi thông tin; đồng thời hỗ trợ tốt hơn công tác quản lý nhà nước, tuyên truyền, chuyển đổi số và xây dựng xã hội số.

4.6. Tập trung triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm

2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2025; Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, xây dựng Chính quyền số, thực hiện Chuyển đổi số một cách toàn diện.

4.7. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nhằm tạo ra bước chuyển căn bản, toàn diện và thực chất cho sự nghiệp “trồng người”; duy trì thực hiện tốt chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chương trình sách giáo khoa mới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại trà các cấp học phổ thông; duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý, dạy học. Khuyến khích, đẩy mạnh công tác xã hội hóa và tăng cường tự chủ trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học các cấp phục vụ dạy và học, kiên cố hóa phòng học, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; quan tâm đầu tư cho cấp mầm non, tiểu học, các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, nhất là các địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới.

4.8. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về y tế. Triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về *“Một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân”*; đổi mới, nâng cao năng lực cho y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Chú trọng đào tạo, có cơ chế thu hút, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; nâng cao trình độ chuyên môn, trách nhiệm và ý thức của đội ngũ cán bộ y tế; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho y tế; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển y tế ngoài công lập, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và kêu gọi đầu tư, xã hội hóa trong lĩnh vực y tế nhằm đảm bảo chỉ tiêu về số giường bệnh/vạn dân, số bác sĩ/vạn dân theo kế hoạch đề ra. Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đẩy mạnh thực hiện Đề án khám chữa bệnh từ xa, dịch vụ công an sinh trực tuyến. Cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; chủ động phòng, chống dịch bệnh, nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh mới phát sinh và các bệnh dịch nguy hiểm khác xảy ra trên địa bàn.

5. Về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý chặt chẽ, có hiệu quả về đất đai, tài nguyên, môi trường; chủ động lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch sử dụng đất, quy

hoạch xây dựng và quy hoạch phát triển sản xuất. Quan tâm mời gọi các nhà đầu tư các dự án xử lý rác thải, chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn theo quy hoạch.

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là những ngành có nguy cơ ô nhiễm cao. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, tài nguyên, ngăn ngừa suy thoái môi trường tự nhiên. Rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; hoàn thiện, nâng cấp và phát huy tối đa hiệu quả hệ thống hiện có, phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành, giám sát và cảnh báo thiên tai. Đẩy mạnh kiên cố hóa hệ thống kênh mương, xây dựng kế hoạch thực hiện Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2026 để làm cơ sở đánh giá chỉ tiêu “Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh” trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao năng lực thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai; chủ động phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng; tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án REDD+, cấp chứng chỉ FSC, trồng rừng gỗ lớn, rừng sản xuất tập trung, phát triển vùng được liệu, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng.

6. Về nội chính, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng

6.1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành chính quyền các cấp; duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực. Thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng pháp luật, đồng bộ, khả thi. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chất lượng cao, đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

6.2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; chú trọng nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số về cải cách hành chính của tỉnh. Tổ chức triển khai, khảo sát đánh giá độc lập một số lĩnh vực dịch vụ công. Tiếp tục triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực cấp tỉnh; triển khai công tác kiểm tra, tuyên truyền CCHC. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số; đồng thời, đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

6.3. Nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính các cấp. Tăng cường công tác phân cấp, phân quyền trong xử lý công việc, không đùn đẩy né tránh, lạm dụng việc hỏi cấp trên trong khi thuộc thẩm quyền xử lý của mình. Hoàn thành và tổ chức triển khai có hiệu quả hệ thống đánh giá công chức theo KPI.

6.4. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kịp thời giải quyết các vụ việc theo thẩm quyền. Tiếp tục tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế, vi phạm do Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ đã chỉ ra.

Tăng cường kiểm tra, theo dõi nắm chắc tình hình kịp thời xử lý các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp không để phát sinh điểm “nóng” về khiếu nại, tố cáo. Tập trung xử lý, giải quyết dứt điểm đối với 05 vụ việc phức tạp, kéo dài, vượt cấp lên Trung ương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc diện Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, rà soát, giải quyết.

7. Về quốc phòng, an ninh

Tăng cường lực lượng bám, nắm tình hình, quản lý địa bàn nhất là địa bàn trọng điểm tuyến biên giới, đối tượng liên quan đến an ninh quốc gia, kịp thời phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực phản động và số đối tượng chống đối chính trị. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế đến tỉnh; tham mưu xây dựng khu vực phòng thủ theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Tăng cường phát hiện, xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, môi trường. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phòng ngừa tai nạn giao thông, phòng cháy chữa cháy; duy trì tuần tra kiểm soát, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm 2026.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An